TOÀ ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HOÁ

Số: 27/2023/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Lộc, ngày 28 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 28/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023, giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1994;

Địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố C, tỉnh H.

* *Bị đơn*: Anh Nguyễn Sĩ T - Sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Thôn E, xã Q, huyện V, tỉnh T.

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 3 Điều 12, khoản 3 Điều 13; điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27; khoản 6 Điều 19 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/3/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H và bị đơn, anh Nguyễn Sĩ T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Sĩ T đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; Vợ chồng thống nhất, thỏa thuận, thuận tình ly hôn để giải thoát cho nhau.

* *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Sĩ T đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; Vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn Thị Phương T1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 31/3/2015, cháu phát triển bình thường cả về thể lực và trí lực, không ốm đau, bệnh tật gì.

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Sĩ T đều có ý kiến chung thống nhất và theo nguyện vọng của cháu Thảo, là: Giao cháu Nguyễn Thị Phương T1 cho anh Nguyễn

Sĩ T (bố đẻ cháu) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi); Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng); Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 01/4/2023 cho đến khi cháu Nguyễn Thị Phương T1 thành niên (đủ 18 tuổi).

Hàng tháng, chị Nguyễn Thị H phải nộp tiền cấp dưỡng nuôi cháu T1 trực tiếp cho anh Nguyễn Sĩ T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn E, xã Q, huyện V, tỉnh T; Hoặc qua Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh T.

Chị Nguyễn Thị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản chị H thực hiện quyền này.

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Sĩ T đều có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

* *Về tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác*: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Sĩ T đều có ý kiến chung và cùng thống nhất, vợ chồng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

* *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Sĩ T đều có ý kiến chung thống nhất, thỏa thuận; Chị Nguyễn Thị H chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con; Nhưng chị H đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh T, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004846, ngày 03/3/2023. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Sĩ T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh H.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Sơn